

LƯU HUỖNH



16 32,066

S

-2
0
+4
+6

LƯU HUỖNH
[Ne]3s²3p⁴

1. VỊ TRÍ, CẤU TẠO NGUYÊN TỬ

Số hiệu Z = NTK trung bình
 Ô = Chu kì = Nhóm =
 electron lớp ngoài cùng
 Tính chất: Dễ e trong các phản ứng



2. TVCL

+ Màu
+ trong nước

+ Phân tử S gồm nguyên tử S tạo thành dạng liên kết với nhau bằng liên kết

+ Khi đun nóng, S → quánh nhớt lại, màu

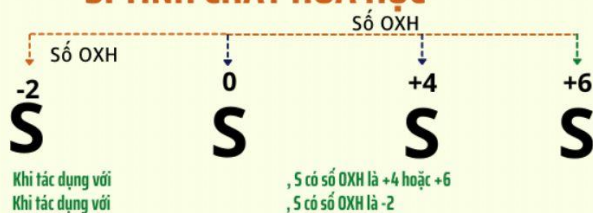
THÙ HÌNH

Rhombic sulfur
Lưu huỳnh tà phương

Monoclinic sulfur
Lưu huỳnh đơn tà

Above 96°C
Below 96°C

3. TÍNH CHẤT HÓA HỌC



TÍNH

$Fe + S \xrightarrow{t^0}$
 $H_2 + S \xrightarrow{t^0}$
 $Hg + S \longrightarrow$

Khi tác dụng với kim loại và Hidro, S thể hiện tính, thường xảy ra ở nhiệt độ, trừ nên có thể dùng bột S để thu trong PTN

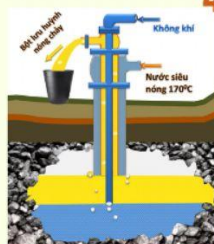
TÍNH

$O_2 + S \xrightarrow{t^0}$
 $F_2 + S \xrightarrow{t^0}$
 $KClO_3 + S \xrightarrow{t^0}$
 $H_2SO_4 + S \longrightarrow$

S cháy với ngọn lửa màu

4. ỨNG DỤNG VÀ ĐIỀU CHẾ

Kéo thả cụm từ mô tả ứng dụng đúng vị trí



Sơ đồ thiết bị khai thác lưu huỳnh

Khai thác S, người ta dùng để hóa lỏng S rồi bơm lên. S tự do có trong các mỏ khu vực có nhiều

Sản xuất H₂SO₄
 Sản xuất diêm
 Lưu hóa cao su
 Dược phẩm
 Trừ sâu, diệt nấm

Sulfolac
SULFUR CHLORINE SALT
CHLB ĐỨC

Acetaminophen

